TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/DS-ST.
Ngày: 13/10/2021.
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng

2. Bà Dương Thị Thanh Thúy

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Điệp – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 182/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà La Thị Thùy V, sinh năm 1976.

Địa chỉ: khu phố H, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Thái Điền Đ, sinh năm: 1975.

HKTT: phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thảo T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: khu phố B, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Ông Đ có mặt, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà La Thị Thùy V và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Thái Điền Đ trình bày:

Do quen biết và tin tưởng bà T có công việc ổn định nên bà V có cho bà T vay tiền trong nhiều lần để làm ăn, cụ thể như sau:

- Lần 01: Ngày 28/7/2017, bà V cho bà T vay 100.000.000đồng không tính lãi, hai bên có làm Biên nhận.

- Lần 02: Ngày 30/8/2017, bà V cho bà T vay 50.000.000đồng không tính lãi, hai bên có làm Biên nhận.

- Lần 03: Ngày 17/3/2018, bà V cho bà T vay 50.000.000đồng không tính lãi, hai bên có làm Giấy mượn tiền.

- Lần 04: Ngày 14/5/2018, bà V cho bà T vay 50.000.000đồng không tính lãi, hai bên có làm Biên nhận.

- Lần 05: Ngày 07/5/2018, bà V cho bà T vay 350.000.000đồng không tính lãi, bà T có ký nhận đủ số tiền 350.000.000đồng vào mặt sau Tờ giấy lịch, bắt đầu bằng số "36.480", kết thúc bằng chữ ký tên La Thị Thùy Vân.

- Lần 06: Ngày 25/6/2018, bà V cho bà T vay 400.000.000đồng không tính lãi, thời hạn vay 01 tháng, hai bên có làm Biên nhận nhận tiền.

- Lần 07: Ngày 30/7/2018, bà V cho bà T vay 350.000.000đồng, lãi suất theo thỏa thuận, hai bên có làm Biên nhận. Sau khi vay tiền bà T không có đóng lãi cho bà V

- Lần 08: Ngày 19/8/2018, bà V cho bà T vay 100.000.000đồng, lãi suất theo thỏa thuận, thời hạn vay 01 tháng, hai bên có làm Biên nhận. Sau khi vay tiền bà T không có đóng lãi cho bà V.

Đối với những lần vay không thể hiện thời hạn trong Biên nhận, bà T hẹn sẽ hoàn trả cho bà V trong khoảng thời gian từ 01 đến 02 tháng

- Ngoài ra, vào ngày 22/3/2018, bà T có nhờ bà V chơi một phần hụi 5.000.000đồng gồm 21 phần. Hụi khui vào ngày mùng 6 âm lịch hàng tháng. Bà T đóng được 3 phần đầu là 11.400.000đồng. Đến lần thứ 4 bà T yêu cầu hốt hụi nhưng bà V không hốt được. Do đó bà V đã lấy tiền của mình đưa cho bà T 77.100.000đồng và bà V tiếp tục chơi cho đến khi mãn hụi. Bà T có ký nhận số tiền 77.100.000đồng trên Tờ Giấy Hụi mùng 6/2/Â Lịch. Trừ đi phần tiền hụi bà T đã đóng, bà V yêu cầu bà T trả lại 65.700.000đồng

Tổng cộng, bà T còn nợ bà V số tiền 1.515.700.000đồng. Do bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà V nên bà V khởi kiện yêu cầu bà T chịu trách nhiệm trả số tiền 1.515.700.000đồng. Bà V không yêu cầu tính lãi và chỉ yêu cầu một mình bà T chịu trách nhiệm trả số tiền trên

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập bà Nguyễn Thảo T tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thảo T không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của bà Nguyễn Thảo T cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không lý do là vi phạm quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung : đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: bà La Thị Thùy V khởi kiện bà Nguyễn Thảo T yêu cầu trả số tiền 1.515.700.000đồng. Xét quan hệ tranh chấp giữa bà La Thị Thùy V với bà Nguyễn Thảo T là "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Nguyễn Thảo T có địa chỉ tại khu phố B, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre nhưng hiện nay không còn cư trú tại địa chỉ trên. Nguyên đơn bà La Thị Thùy V đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn bà Nguyễn Thảo T được ghi trong Biên nhận ngày 28/7/2017, Biên nhận ngày 19/8/2018, Biên nhận nhận tiền ngày 25/6/2018. Việc bà T thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong Hợp đồng mà không thông báo cho bà La Thị Thùy V nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự 2015 được xem là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ theo địa chỉ cư trú của bị đơn được ghi trong hợp đồng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Nguyễn Thảo T đã được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thảo T

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà La Thị Thùy V căn cứ vào Biên nhận các ngày 28/7/2017, 30/8/2017, Giấy mượn tiền ngày 17/3/2018, Giấy hụi ngày 22/3/2018, Biên nhận ngày 14/5/2018, Tờ giấy lịch phía sau có ghi chữ, bắt đầu bằng số "36.480", kết thúc bằng chữ ký tên La Thị Thùy Vân (Sau đây gọi là Biên nhận ngày 07/5/2018), Biên nhận các ngày 25/6/2018, 30/7/2018, 19/8/2018 yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thảo T trả số tiền nợ gốc 1.515.700.000đồng.

Đối với các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, xét thấy, theo Kết luận Giám định số 160/2021/GĐTL ngày 14/4/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre:

- Chữ ký, chữ viết họ tên " Nguyễn Thảo T" dưới mục "người viết" trên Biên nhận ngày 28/7/2017; dưới mục "Người nhận" trên "Biên nhận" ngày 30/8/2017; dưới mục "Người nhận tiền" trên "Biên nhận" ngày 19/8/2018; tại mục "Đã nhận đủ số tiền trên" trên tờ "Hụi mùng 6/2/Â Lịch" đề ngày 22/3/2018; chữ ký dưới mục "Người nhận tiền" và chữ viết "…Ngày 7/5/2018 Trang đã nhận đủ 350 triệu Người nhận tiền.." trên mẫu giám định A9 (Biên nhận ngày 07/5/2018) so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thảo T trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 (Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2016 và Bản kê khai tài sản thu nhập năm 2017 của bà Nguyễn Thảo T do Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre cung cấp) là do cùng một người viết ra. Như vậy, có cơ sở xác định bị đơn Nguyễn Thảo T là người thực hiện các giao dịch vay tiền với nguyên đơn La Thị Thùy V

- Đối với chữ ký và chữ viết họ tên "Nguyễn Thảo T" dưới mục "Người nhận" trên Giấy mượn tiền đề ngày 17/3/2018, dưới mục "Người nhận" trên "Biên nhận" ngày 14/5/2018, dưới mục "Người mượn tiền" trên "Biên nhận" đề ngày 30/7/2018: Hội đồng xét xử xét thấy, tuy không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Thảo T trên các mẫu cần giám định trên so với chữ ký mang tên Nguyễn Thảo T trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 có phải cùng một người ký ra hay không nhưng chữ viết tên "Nguyễn Thảo T" so với chữ viết mang tên "Nguyễn Thảo T" trên mẫu so sánh M1, M2 là do cùng một người viết ra. Do chữ ký tên của một người có thể thay đổi theo thời gian và một người có thể có nhiều chữ ký khác nhau, tuy nhiên chữ viết tên của mỗi người đều có những đặc điểm riêng không thay đổi. Như vậy vẫn có cơ sở xác định bị đơn Nguyễn Thảo T là người thực hiện các giao dịch vay tiền với nguyên đơn La Thị Thùy Vân.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã nhiều lần mời bà T đến hòa giải nhưng bà T vẫn cố tình vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Bà T cũng không có ý kiến phản đối hay cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác cho Tòa án. Căn cứ vào Biên nhận các ngày 28/7/2017, 30/8/2017, Giấy mượn tiền ngày 17/3/2018, Giấy hụi ngày 22/3/2018, Biên nhận các ngày 14/5/2018, 07/5/2018, 25/6/2018, 30/7/2018, 19/8/2018 bà Nguyễn Thảo T đã nhận của bà La Thị Thùy V số tiền tổng cộng là 1.527.100.000đồng, trừ đi số tiền hụi bà T đã đóng là 11.400.000đồng, bà T còn nợ lại bà V số tiền 1.515.700.000đồng. Việc bà T không thực hiện việc trả nợ cho bà V là vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, bà V khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền 1.515.700.000đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ghi nhận việc bà V không yêu cầu tính lãi và chỉ yêu cầu một mình bà T chịu trách nhiệm trả số tiền trên.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thảo T phải chịu án theo quy định của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội là : 36.000.000đ + (1.515.700.000 – 800.000.000) x 3% = 57.471.000đồng

Chi phí thu thập chứng cứ: chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 1.200.000đồng bà Nguyễn Thảo T phải chịu. Do bà La Thị Thùy V đã tạm ứng số tiền trên nên bà T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà La Thị Thùy V số tiền 1.200.000đồng.

[4] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhập

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 228, 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà La Thị Thùy V: Buộc bà Nguyễn Thảo T chịu trách nhiệm trả cho bà La Thị Thùy V số tiền 1.515.700.000 (Một tỷ năm trăm mười lăm triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Ghi nhận việc bà V không yêu cầu tính lãi và chỉ yêu cầu một mình bà T chịu trách nhiệm trả số tiền trên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí thu thập chứng cứ: bà Nguyễn Thảo T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà La Thị Thùy V số tiền chi phí thu thập chứng cứ là 1.200.000 (Một triệu hai trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Thảo T phải chịu là 57.471.000 (Năm mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi mốt nghìn) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà La Thị Thùy V số tiền tạm ứng án phí là 28.906.000 (Hai mươi tám triệu chín trăm lẻ sáu nghìn) đồng theo biên lai số 0003451 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố BT.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chỉ cục THADS TP BT.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương